

Tiền Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2024

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ THUỐC ĐƯỢC CHÍNH QUÍ III NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
1	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Ống	8,799.00	
2	Diazepam	Seduxen 5 mg	Viên	1,260.00	
3	Phenobarbital 100mg	Phenobarbital	Viên	210.00	
4	Phenobarbital 100mg	Garnotal	Viên	188.00	
5	Adrenalin	Adrenalin 1mg/1ml	Ống	1,362.00	
6	Adrenalin 1mg/1ml	Adrenalin	Ống	1,280.00	
7	Alimemazin 5mg	Thelizin	Viên	87.00	
8	Alimemazin 5mg	Thelizin	Viên	72.00	
9	Alpha chymotrypsin 4,2mg	Katrypsin	Viên	138.00	
10	Alpha chymotrypsin 4,2mg	Katrypsin	Viên	155.00	
11	Amitriptylin (hydroclorid)	Amitriptylin 25mg	Viên	104.00	
12	Amitriptylin (hydroclorid)	Amitriptylin 25mg	Viên	163.00	
13	Amitriptylin hydroclorid 25mg	Amitriptylin	Viên	125.00	
14	Amitriptylin hydroclorid 25mg	Amitriptylin	Viên	165.00	
15	Amlodipin 5mg	Kavasdin 5	Viên	104.00	
16	Amoxicilin + acid clavulanic	Augbidil 1g	Viên	2,369.00	
17	Amoxicilin + acid clavulanic	Auclanityl 500/125mg	viên	1,700.00	
18	Bacillus subtilis $\geq 10^8$ CFU	Biosyn	gói	2,940.00	
19	Bromhexin (hydroclorid) 8mg	Bromhexin	Viên	35.00	
20	Cefalexin 500mg	CEPHALEXIN PMP 500	viên	1,250.00	
21	Cephalexin 500mg	Cephalexin PMP 500	viên	1,260.00	
22	Cefuroxim	CEFUROXIM 500mg	viên	2,226.00	
23	Captopril 25mg	Captopril	Viên	104.00	
24	Captopril 25mg	CAPTAGIM	viên	99.00	
25	Chlorpheniramine	Clorpheniramin 4mg	Viên	37.00	
26	Chlorpheniramine	Clorpheniramin 4mg	Viên	40.00	
27	Ciprofloxacin 0,3% /5ml	Ciprofloxacin 0,3%	lọ	1,995.00	
28	Clotrimazol 1%/10g	Vinazol	Tuýp	5,699.00	
29	Clozapin 25mg	SUNSIZOPIN 25	Viên	1,970.00	
30	Clozapine 25mg	SUNSIZOPIN 25	Viên	1,620.00	
31	Clozapin 100mg	Lepigin 100	Viên	2,090.00	
32	Clozapin 100mg	Lepigin 100	Viên	1,945.00	
33	Celecoxib	Celecoxib 100mg	Viên	270.00	

34	Celecoxib 200mg	Celecoxib	Viên	352.00	
35	Clorpromazin (hydroclorid)	Aminazin 25mg	Viên	119.00	
36	Clorpromazin (hydroclorid)	Aminazin 25mg	Viên	100.00	
37	Clorpromazin 25mg/ 2ml	Aminazin 1,25%	Ống	2,100.00	
38	Drotaverine HCl 40mg	Drotaverin	viên	173.00	
39	Domperidon 10mg	Domperidon	viên	70.00	
40	Enalapril 5mg	Enalapril	Viên	74.00	
41	Enalapril maleat 5mg	AGINARIL ®5	viên	75.00	
42	Furosemid 20mg/2ml	FUROSEMIDE	Ống	893.00	
43	Furosemid 40mg	AGIFUROS	viên	91.00	
44	Furosemid 20mg/2ml	Vinzix	Ống	714.00	
45	Furosemid 20mg/2ml	TAKIZD	Ống	629.00	
46	Fluoxetin	FUCEPRON 20mg	Viên	700.00	
47	Fluoxetin 20mg	Nufotin	Viên	1,020.00	
48	Flunarizin	Flunarizine 5mg	Viên	240.00	
49	Flunarizin (HCl)	Flunarizine 5mg	viên	240.00	
50	Glucose 20%/500ml	Glucose 20%	chai	12,390.00	
51	Glucose 5%/500ml	Glucose 5%	Chai	7,644.00	
52	Glucose 5%; 500ml	Glucose 5%	Chai	7,586.00	
53	Glucose 5%/ 500ml	Glucose 5%	chai/ túi	8,925.00	
54	Haloperidol	Haloperidol 1,5 mg	Viên	81.00	
55	Haloperidol	Haloperidol 1,5 mg	Viên	80.00	
56	Haloperidol	Haloperidol 1,5mg	viên	126.00	
57	Haloperidol 5mg/ml	Haloperidol 0,5%	ống	1,785.00	
58	Haloperidol 5mg/ 1ml	Haloperidol 0,5%	ống	2,100.00	
59	Hydrocortison natri succinat 100mg	Hydrocortison	lọ	7,350.00	
60	Hydrocortison 100mg	A.T Hydrocortisone	Lọ	6,090.00	
61	Ketoconazol 2% x 5g	Bikozol	Tube	3,360.00	
62	Ketoconazol 2%/5g	Ketoconazol	Tuýp	2,980.00	
63	Levomepromazin	Levomepromazin 25mg	Viên	530.00	
64	Levomepromazin	Levomepromazin 25mg	Viên	600.00	
65	Levomepromazin	Levomepromazin 25 mg	Viên	550.00	
66	Meloxicam 15mg	Kamelox 15	Viên	102.00	
67	Meloxicam 15mg	MELOXVACO 15	Viên	99.00	
68	Methyl prednisolon 40mg	Atisolu 40 inj	Lọ	6,190.00	
69	Methyl prednisolon 16mg	Medlon 16	viên	1,390.00	

70	N-Acetylcystein 200mg	Acetylcystein	Viên	252,00	
71	Natri clorid 0,9% - 500ml	Natri clorid 0,9%	Chai	7.644,00	
72	Natri clorid 0,9%; 500ml	Natri clorid 0,9%	Chai	6.762,00	
73	Natri clorid 0,9%-500ml	Natri clorid 0,9%	chai/ túi	8.925,00	
74	Glucose khan + Natri clorid + Tri natri citrat khan + Kali clorid	Oresol	gói	1.428,00	
75	Naloxon (hydroclorid) 0,4mg/1ml	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	ống	43.995,00	
76	Nifedipin 20mg	Nifedipin Hasan 20 Retard	Viên	483,00	
77	Nifedipin 20mg	Nifedipin Hasan 20 Retard	viên	504,00	
78	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	BFS-Noradrenaline 1mg	Ống	28.000,00	
79	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	ống	405,00	
80	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 10ml	ống	725,00	
81	Nước để pha thuốc tiêm 10ml	NƯỚC CẤT TIÊM	Ống	688,00	
82	Olanzapin 10mg	OLANZAPIN SPM 10	Viên	378,00	
83	Olanzapin 10mg	Olanxol	Viên	2.310,00	
84	Olanzapin 10mg	Ozanta	Viên	308,99	
85	Olanzapin 10mg	Ozanta	Viên	284,00	
86	Olanzapin 10mg	Ozanta	Viên	283,99	
87	Olanzapin 10mg	Ozanta	Viên	238,99	
88	Olanzapin 10mg	Ozanta	viên	234,99	
89	Olanzapin 10mg	Ozanta	viên	233,00	
90	Pantoprazol 40mg	Pantoprazol	Viên	324,00	
91	Pantoprazol 40mg	Pantoprazol	Viên	313,00	
92	Povidon iodin 10,0g/100ml	PVP - Iodine 10%	lọ	2.998,00	
93	Povidon iodin 10,0g/100ml	PVP - Iodine 10%	lọ	3.045,00	
94	Povidon iodin 10%/ 30ml	Iodine	chai	5.985,00	
95	Phenytoin	Phenytoin 100mg	viên	294,00	
96	Phenytoin	Phenytoin 100mg	Viên	289,00	
97	Phenytoin	Phenytoin 100 mg	Viên	288,00	
98	Propranolol (hydroclorid)	Dorocardyl 40mg	Viên	273,00	
99	Propranolol (hydroclorid) 40mg	Propranolol	Viên	600,00	
100	Propranolol HCl 40mg	Propranolol	viên	600,00	
101	Piracetam 400mg	AGICETAM 400	Viên	265,00	
102	Piracetam 800mg	Kacetam	Viên	429,00	
103	Piracetam 800mg	Kacetam	Viên	436,00	
104	Paracetamol (acetaminophen) 500mg	Tatanol	Viên	294,00	

105	Paracetamol 500mg	Panactol	Viên	146,00	
106	Acetaminophen 650mg	ACETAB 650	Viên	129,99	
107	Paracetamol	Paracetamol 500mg	Viên	190,00	
108	Ringer lactat 500ml	Ringer lactate	Chai	7.896,00	
109	Ringer lactat 500ml	Ringer lactate	Chai	8.190,00	
110	Ringer lactat 500ml	Ringer lactate	chai/ túi	9.135,00	
111	Risperidon 2mg	AGIRISDON 2	Viên	339,99	
112	Risperidon 2mg	AGIRISDON 2	viên	310,00	
113	Risperidon 2mg	Sernal	Viên	339,00	
114	Risperidon 2mg	Sernal	Viên	810,00	
115	Risperidon 2mg	Risperidon 2	Viên	488,99	
116	Risperidon 2mg	Risperstad 2	Viên	1.000,00	
117	Risperidon 2mg	Risdontab 2	Viên	2.310,00	
118	Risperidon 2mg	Rispersavi 2	Viên	740,00	
119	Sulpirid 50mg	Dogtapine	Viên	132,00	
120	Sulpirid	Sulpirid 50mg	Viên	123,00	
121	Sulpirid	Sulpirid 50mg	Viên	120,00	
122	Sulpirid	Stadpizide STELLA 50mg	Viên	450,00	
123	Sulpirid	Sulpirid 50mg	Viên	395,00	
124	Sorbitol 5g	Sorbitol	gói	430,00	
125	Salbutamol (sulfat)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Bình xịt	76.379,00	
126	Salbutamol (sulfat)	Ventolin Nebules 5mg/ 2.5ml 6x5's	ống	8.513,00	
127	Salbutamol (sulfat) 5mg/2,5ml	Vinsalmol 5	ống	8.400,00	
128	Sertralin 100mg	Sertil 100	Viên	2.300,00	
129	Sertralin 100mg	Sertil 100	Viên	2.299,50	
130	Sertralin 50mg	Aurasert 50	Viên	1.190,00	
131	Sertralin 50mg	Lexostad 50	Viên	1.300,00	
132	Sertralin 50mg	Sertil 50	Viên	899,00	
133	Thioridazin	Thioridazin 50 mg	Viên	1.150,00	
134	Thioridazin hydroclorid	Thioridazin 50 mg	Viên	1.150,00	
135	Trihexyphenidyl (hydroclorid) 2mg	Trihexyphenidyl	Viên	118,00	
136	Trihexyphenidyl hydroclorid 2mg	Trihexyphenidyl	Viên	120,00	
137	Trihexyphenidyl hydroclorid 2mg	Danapha-Trihex 2	Viên	94,00	
138	Trihexyphenidyl hydroclorid 2mg	Danapha-Trihex 2	Viên	120,00	
139	Valproat natri 200mg	ENCORATE	Viên	500,00	
140	Natri Valproate 200mg	ENCORATE	Viên	500,00	
141	Valproat natri 200mg	ENCORATE 200	Viên	500,00	

142	Valproat natri 200mg	Encorate	Viên	524,00	
143	Valproat natri 300mg	ENCORATE 300	Viên	1.350,00	
144	Valproat natri 500mg	Dalekine 500	Viên	2.500,00	
145	Natri valproat 500mg	Dalekine 500	Viên	2.500,00	
146	Valproat natri + valproic acid	ENCORATE CHRONO 500	Viên	2.350,00	
147	Vitamin B6 + Magnesi lactat	Magnesi-B6	Viên	155,00	
148	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	Magnes- B6	Viên	115,00	
149	Magnesi hydroxyd+ nhôm hydroxyd	Remint - S fort	Viên	200,00	
150	Vitamin B1	Vitamin B1 250mg	Viên	382,00	
151	Vitamin B1 250mg	Vitamin B1	Viên	284,00	
152	Vitamin B1 250mg	Vitamin B1	Viên	271,00	
153	Vitamin B1+ Vitamin B6+ Vitamin B12	Neutrifore	Viên	1.260,00	
154	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin 3B	Viên	388,00	

Lập bảng



Nguyễn Trường Giang

Trưởng Khoa



Huỳnh Tấn Tài

KT. Thủ Trưởng Đơn Vị

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồ Công Danh